

Số: /QĐ-UBND

Ninh Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 38/TTr-TCKH ngày 08 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn (*kèm theo quy định*).

Điều 2. Giao phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quy định kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch; Thủ trưởng các phòng, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và thủ trưởng các ngành chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- UBND tỉnh;
- TT.Huyện ủy, HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Hùng

QUY ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày /10/2021
của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm thẩm quyền, trình tự, thủ tục: Quyết định mua sắm, thuê, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, xử lý tài sản được xác lập sở hữu toàn dân; thẩm quyền khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Ninh Sơn; trình tự, thủ tục báo cáo và công khai tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước (*gọi tắt là cơ quan*).
2. Đơn vị sự nghiệp công lập (*gọi tắt là đơn vị*).
3. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam (*gọi tắt là cơ quan*).
4. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (*gọi tắt là tổ chức*).
5. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;
6. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
7. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Tài sản công gồm

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

2. Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
3. Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị;
4. Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;
5. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của Chính phủ;
6. Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý nhà nước đối với tài sản công

1. Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân huyện (*gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với tài sản công theo quy định tại Điều 18 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; trực tiếp quản lý, xử lý đối với một số loại tài sản công thuộc cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật;

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại quyết định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN XỬ LÝ VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật hiện hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định mua sắm các loại tài sản:

- Tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này);

- Một lô tài sản, hàng hóa, dịch vụ (một gói thầu) có giá trị dưới 1.000 triệu đồng (một ngàn triệu đồng) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung:

Đối với việc mua sắm các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Thuê tài sản phục vụ hoạt động

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thuê trụ sở làm việc có giá trị thuê dưới 200 triệu đồng (hai trăm triệu đồng)/năm.

- Thuê tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp do đơn vị tự thực hiện theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu nhiệm vụ và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thu hồi tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản của các đơn vị trực thuộc, cấp xã (trừ các loại tài sản: Trụ sở làm việc, công trình xây dựng khác gắn liền với đất; Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác; Các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản)

2. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bị thu hồi thực hiện bàn giao đầy đủ tài sản và hồ sơ có liên quan đến tài sản cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công, cụ thể như sau:

- Bàn giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đối với tài sản công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công theo thẩm quyền. Đồng thời, tiếp nhận bàn giao tài sản thu hồi; đề xuất phương án xử lý tài sản công theo các hình thức quy định tại Khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 8. Điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trực thuộc, cấp xã (trừ các loại tài sản: Trụ sở làm việc, công trình xây dựng khác gắn liền với đất; Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác).

2. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm: Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản và lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; thực hiện hạch toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành;

Điều 9. Bán tài sản công

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ

các loại tài sản: Trụ sở làm việc, công trình xây dựng khác gắn liền với đất sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác; Các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thanh lý tài sản công

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thanh lý các loại tài sản:

1. Trụ sở làm việc, công trình xây dựng khác gắn liền với đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị do cấp huyện quản lý (quyết định thanh lý gửi về Sở Tài chính để theo dõi biến động tài sản);

2. Các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác).

Điều 11. Tiêu hủy tài sản công

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản: Trụ sở làm việc, công trình xây dựng khác gắn liền với đất; Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác; Các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản).

Điều 12. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định xử lý các loại tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản: Trụ sở làm việc, công trình xây dựng khác gắn liền với đất; Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác; Các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản).

Điều 13. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, *(bao gồm cả tiền bồi thường tài sản, nếu có)* được nộp vào tài khoản tạm giữ của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện mở tại kho bạc nhà nước huyện Ninh Sơn làm chủ tài khoản, quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định xử lý.

2. Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan có tài sản xử lý.

3. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản công có trách nhiệm lập, phê duyệt dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản.

4. Nội dung chi phí liên quan xử lý tài sản công; mức chi; thời hạn thanh toán; hồ sơ đề nghị thanh toán; định kỳ nộp ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP .

5. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 55 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 6 Điều này;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập còn lại, số tiền thu được từ xử lý tài sản công (*trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp khi thực hiện sắp xếp lại thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công*), sau khi trừ đi các chi phí có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (*nếu có*) và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng phần còn lại để bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

6. Việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện sắp xếp lại thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

Điều 14. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

Ủy ban nhân dân huyện ban hành: tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc, cấp xã.

Chương III

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 15. Tài sản thuộc đối tượng được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật gồm:

a) Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

b) Vật chứng vụ án, tài sản khác bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế thuộc về Nhà nước theo quy định của Bộ luật dân sự; hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan, gồm:

a) Bất động sản vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu được xác lập quyền sở hữu toàn dân (*sau đây gọi là bất động sản vô chủ*).

b) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận được xác lập quyền sở hữu toàn dân (*sau đây gọi là tài sản bị đánh rơi, bỏ quên*).

c) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán mà tại thời điểm phát hiện hoặc tìm thấy không có hoặc không xác định được chủ sở hữu theo quy định của pháp luật (*sau đây gọi là tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm*).

d) Tài sản là di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có người thừa kế nhưng không được quyền hưởng di sản, từ chối nhận di sản hoặc hết thời hiệu yêu cầu chia di sản kể từ thời điểm mở thừa kế mà không có người chiếm hữu theo quy định của pháp luật về dân sự (*sau đây gọi là di sản không người thừa kế*).

đ) Tài sản là hàng hóa tồn đọng được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (*sau đây gọi là hàng hóa tồn đọng*).

3. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể nhưng không có quỹ khác có cùng mục đích hoạt động nhận tài sản chuyên giao hoặc bị giải thể do hoạt động vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thuộc về Nhà nước theo quy định của Bộ luật dân sự (*sau đây gọi là tài sản của quỹ bị giải thể*).

4. Tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ nhưng chưa hạch toán ngân sách nhà nước và hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác cho Nhà nước Việt Nam (*sau đây gọi là tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước*).

5. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyên giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

6. Tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án.

Điều 16. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; trình tự thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế. (tài sản không thuộc phạm vi quy định: Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại điểm này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản).

2. Trình tự, thủ tục xác lập sở hữu toàn dân

a) Đối với bất động sản vô chủ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ;

b) Đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ;

c) Đối với di sản không có người thừa kế thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ;

d) Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ;

e) Đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

Điều 17. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và trình tự, thủ tục

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản (trừ tài sản: là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền các cấp thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu (trừ tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ) như sau: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản (trừ tài sản: là nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản do cơ quan thi hành án các cấp chuyển giao).

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế (trừ tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ) như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế (trừ tài sản: là nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản) thuộc phạm vi địa phương quản lý có giá trị dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản.

5. Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ; việc tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI TÀI SẢN CÔNG

Điều 18. Báo cáo tài sản công

Việc báo cáo tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 125 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và theo quy định cụ thể như sau:

1. Đối với các loại tài sản công sau đây, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng báo cáo các cơ quan quản lý cấp trên và Sở Tài chính để quản lý thống nhất, tập trung trong phạm vi toàn tỉnh:

a) Trụ sở làm việc; quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản;

b) Tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (*trừ tài sản đặc biệt phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại doanh nghiệp Bộ Quốc phòng, Bộ Công an*);

c) Tài sản kết cấu hạ tầng;

d) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước;

đ) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Báo cáo tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Báo cáo kê khai tài sản công;

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, cơ quan tài chính nhà nước có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ thanh toán các khoản chi phí liên quan đến tài sản phải báo cáo và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản cố định vào dự toán ngân sách năm sau của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công bị xử lý theo quy định.

Điều 19. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công

1. Hằng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước đối với các tài sản quy định tại Khoản 2 Điều 125 Nghị định 151/2017/NĐ-CP và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thời hạn báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hằng năm quy định như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (*nếu có*) trước ngày 31 tháng 01;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo chung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính để tổng hợp trước ngày 28 tháng 02;

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện ngoài việc báo cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều này, có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp khi có yêu cầu.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức triển khai quy định này và các quy định pháp luật có liên quan cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;
2. Quyết định việc đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê; điều chuyển, thu hồi, bán, thanh lý, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo phân cấp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi cấp mình quản lý theo quy định này và quy định của pháp luật có liên quan;
3. Báo cáo và công khai tài sản công theo quy định này và quy định của pháp luật có liên quan;
4. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các quyết định thu hồi; điều chuyển; bán; thanh lý; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo thẩm quyền phân cấp tại quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công

1. Bảo vệ, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm;
2. Lập, quản lý hồ sơ tài sản công, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại tài sản công theo quy định của pháp luật có liên quan;
3. Báo cáo tài sản công và công khai tài sản công theo quy định này và quy định của pháp luật có liên quan;
4. Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong sử dụng tài sản công theo quy định;
5. Giao lại tài sản công cho Nhà nước khi có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền;
6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; giám sát của cộng đồng, cán bộ, công chức, viên chức và ban thanh tra nhân dân trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;
7. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, bảo đảm phân định rõ quyền, nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân trong việc đầu tư xây dựng, mua sắm, tiếp nhận, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; sử dụng, khai thác tài sản công và xử lý tài sản công

Điều 22. Quy định chuyển tiếp

1. Ngoài các quy định cụ thể tại quy định này, việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan, đơn vị được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định riêng của Chính phủ.

2. Các nội dung khác không nêu trong quy định này áp dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các Nghị định riêng của Chính phủ ./.
